

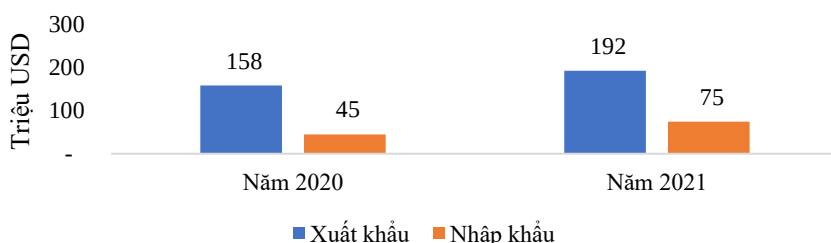
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

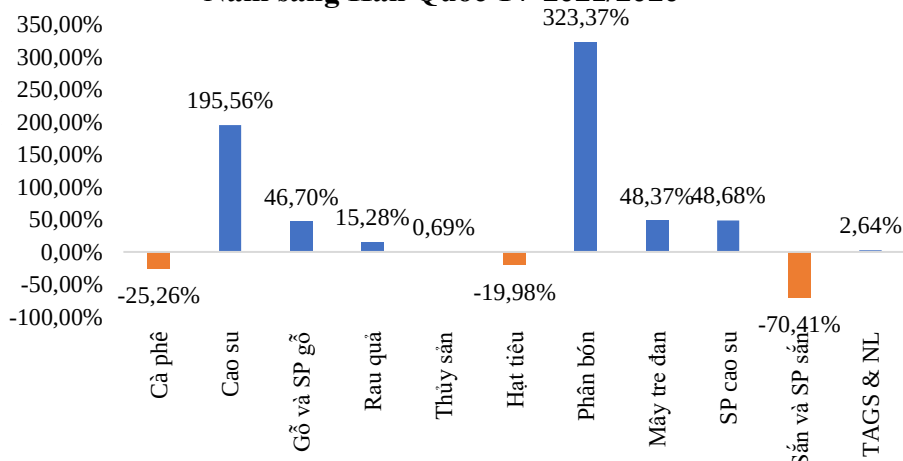
Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc T7-2021/2020



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Hàn Quốc T7-2021/2020

Xuất khẩu	▲ 21,80 %
Nhập khẩu	▲ 67,61 %

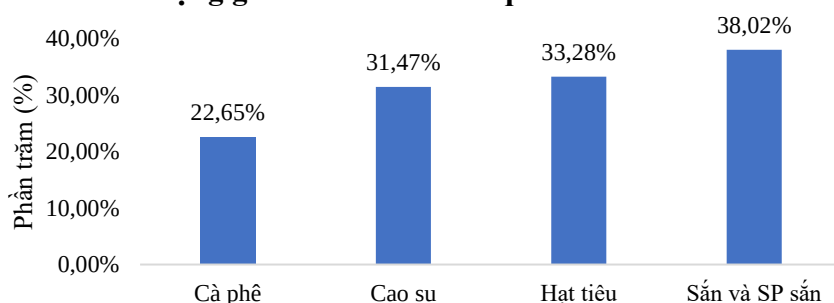
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang Hàn Quốc T7-2021/2020



So sánh T7-2021/2020

Cà phê	▼ 25,26%
Cao su	▲ 195,56%
Gỗ và SP gỗ	▲ 46,70%
Hàng rau quả	▲ 15,28%
Hàng thủy sản	▲ 0,69%
Hạt tiêu	▼ 19,98%
Phân bón	▲ 323,37%
Mây tre đan	▲ 48,37%
SP từ cao su	▲ 48,68%
Sản và SP sản	▼ 70,41%
TAGS & NL	▲ 2,64%

Biến động giá xuất khẩu bình quân T7-2021/2020



So sánh giá xuất khẩu BQ T7-2021/2020

Cà phê	▲ 22,65%
Cao su	▲ 31,47%
Hạt tiêu	▲ 33,28%
Sản và SP sản	▲ 38,02%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Số liệu của Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK) cho thấy GDP của quốc gia này chỉ tăng 0,7% trong quý II/2021, chậm lại so với mức tăng 1,7% trong quý I/2021. Xuất khẩu đã tăng 40,9% trong 20 ngày đầu tháng 8/2021 so với cùng kỳ năm ngoái. Giá trị xuất khẩu trong tháng 7/2021 đã tăng 29,6% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức kỷ lục 55,4 tỷ USD, nổi dài đà tăng trong tháng thứ chín liên tiếp. BoK đã giữ nguyên triển vọng tăng trưởng nền kinh tế Hàn Quốc năm 2021 ở mức 4%. Trong khi chính phủ dự báo mức tăng trưởng 4,2% cho năm nay.

Hàn Quốc cung cấp 80.000 tấn gạo ra thị trường nội địa trong tháng 8/2021 nhằm đáp ứng sự thiếu hụt nguồn cung và ổn định giá cả. Sản lượng gạo của nước này đạt 3,51 triệu tấn vào năm ngoái, ít hơn 120.000 tấn so với mục tiêu 3,63 triệu tấn.

Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc (MAFRA) cho biết, nước này sẽ duy trì ổn định nguồn cung thịt lợn dù dịch tả lợn châu Phi (ASF) mới bùng phát tại một trang trại chăn nuôi ở tỉnh Gangwon.

Theo số liệu của MAFRA, tổng đàn lợn tại các trang trại ở Hàn Quốc tính đến hết tháng 6/2021 ước đạt 11,1 triệu con, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước. MAFRA ngày 8/8 cho biết một đàn lợn tại trang trại chăn nuôi ở tỉnh Gangwon của nước này đã mắc dịch ASF, khiến giới chức trách quyết định tiêu hủy khoảng 2.400 con lợn tại trang trại như một biện pháp phòng ngừa. Đây là lần đầu tiên sau ba tháng, Hàn Quốc ghi nhận ASF tại nước này.

MAFRA cũng đã tiến hành kiểm tra các trang trại chăn nuôi khác trong bán kính 10 km từ khu vực có gia súc nhiễm dịch. Tất cả các trang trại đều không phát hiện có trường hợp gia súc nhiễm ASF.

Tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu 192,3 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 31,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 42,2%, thứ hai là thủy sản với 37,3%, rau quả chiếm 7,4%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, cà phê, hạt tiêu và sắn và sản phẩm sắn là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2020.

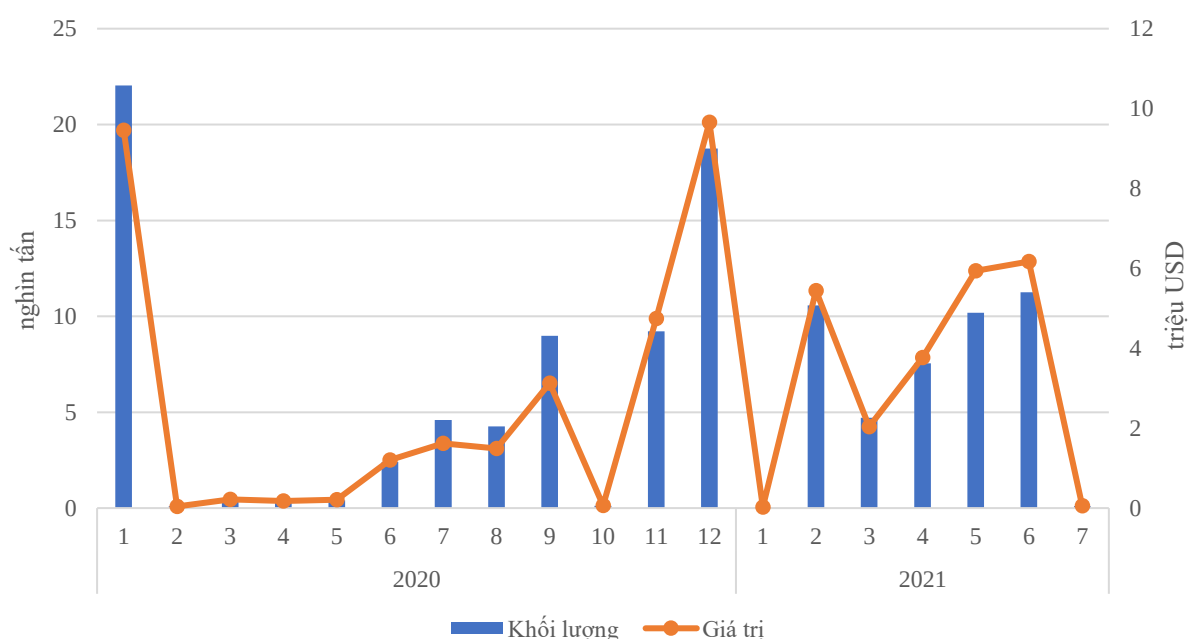
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 8/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hàn Quốc trong năm 2020/21 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 3,51 triệu tấn, giảm 0,24 nghìn tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hàn Quốc ước đạt 450 nghìn tấn, giảm khoảng 15 nghìn tấn so với năm ngoái.

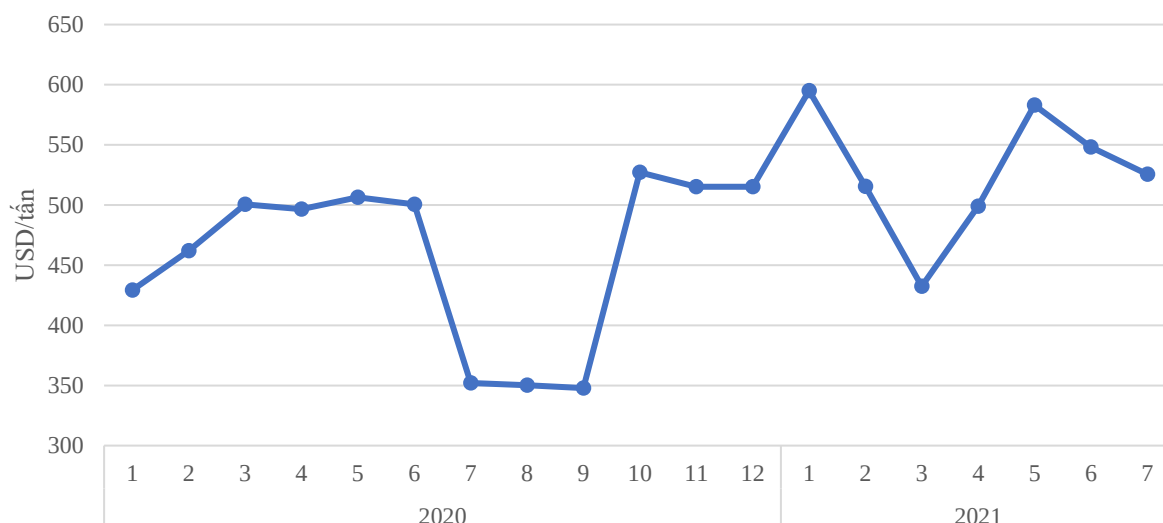
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 0,11 nghìn tấn gạo, trị giá 0,06 triệu USD sang Hàn Quốc, giảm 99,0% về khối lượng và 99,1% về giá trị so với tháng trước; và giảm 97,6% về khối lượng và -96,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 44,4 nghìn tấn gạo, trị giá 23,4 triệu USD, tăng 46,4% về khối lượng và 81,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

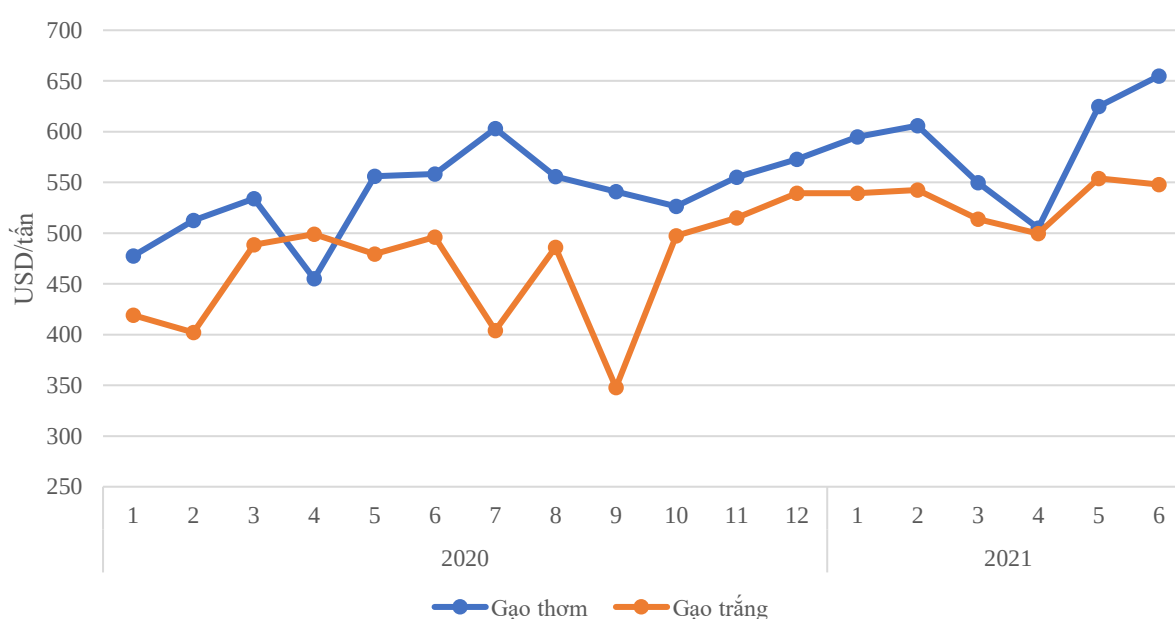
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2021 đạt 525,5 USD/tấn, giảm 4,1% so với tháng trước nhưng tăng 49,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 69,4% về khối lượng và 69,7% về giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc. Gạo trắng là mặt hàng đứng thứ hai chiếm 30,6% về khối lượng và 30,3% về giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 7/2021 đạt 548,4 USD/tấn, giảm 16,3% so với tháng trước và 9,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo trắng đạt trung bình 520,0 USD/tấn, giảm 5,1% so với tháng trước nhưng tăng 28,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc

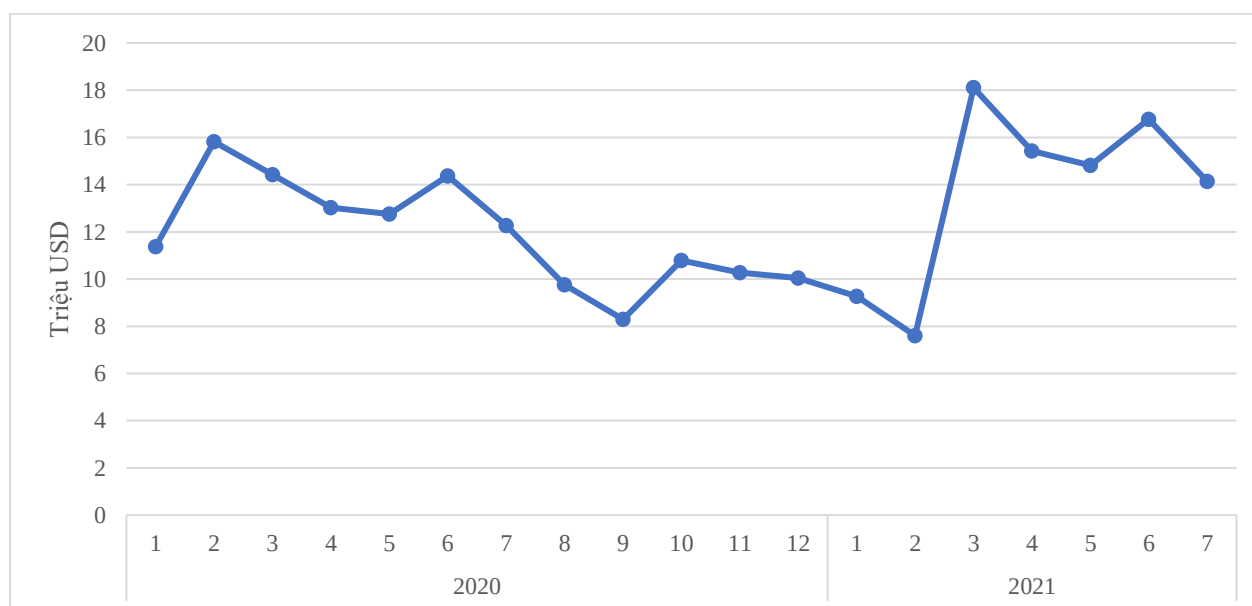
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, ba công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Thành Phát, Công ty TNHH Khánh Tâm, và Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh. Tỷ trọng của các công ty này lần lượt là 62,0%, 21,2% và 16,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 7/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty TNHH Thành Phát tăng 61,1%, còn Công ty TNHH Khánh Tâm, và Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh không xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 7/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 7/2021.

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 7 năm 2021 đạt 14,1 triệu USD, chiếm 5,3% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 15,7 so với tháng trước và tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 96,2 triệu USD, chiếm 4,2% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc



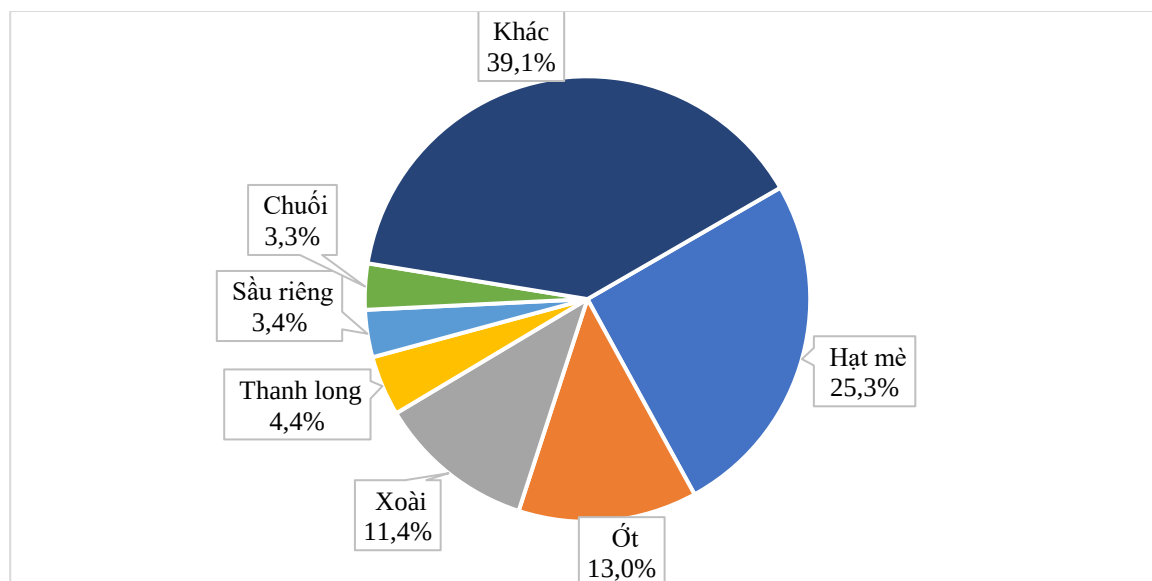
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 7 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 6,5 triệu USD (chiếm 47,3% thị phần, tăng 51,7% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,5 triệu USD (chiếm 52,7% thị phần, giảm 5,1%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 5,2 triệu USD, giảm 5,0% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước

cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,1 triệu USD (tăng 5,7%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 502,5 nghìn USD (giảm 33,0%); ...

Trong tháng 7 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 3,6 triệu USD (chiếm 25,3% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 17,3% so với cùng kỳ năm 2020; ớt đạt 1,8 triệu USD (chiếm 19,2%), giảm 1,0%; xoài đạt 1,6 triệu USD (chiếm 11,4%), tăng 31,5%; thanh long đạt 616,8 nghìn USD (chiếm 4,4%), tăng 71,0%; ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 7 năm 2021 đạt 2,6 triệu USD, chiếm 1,9% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 33,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 21,4 triệu USD, chiếm 2,6% thị phần, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 7/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là rong biển đạt 1,5 triệu USD (chiếm 57,0%), tăng 140,9% so với cùng kỳ năm 2020; nho đạt 426,2 nghìn USD (chiếm 16,5%), giảm 33,7%; nấm các loại đạt 316 nghìn USD (chiếm 12,2%), tăng 43,7%; ...

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Y.K. Vina, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Giavico và Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam với thị phần xuất khẩu lần lượt là 21,4%; 5,3% và 5,0%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Y.K. Vina giảm 14,8%, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Giavico giảm 12,0% và Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam tăng 131,2%.

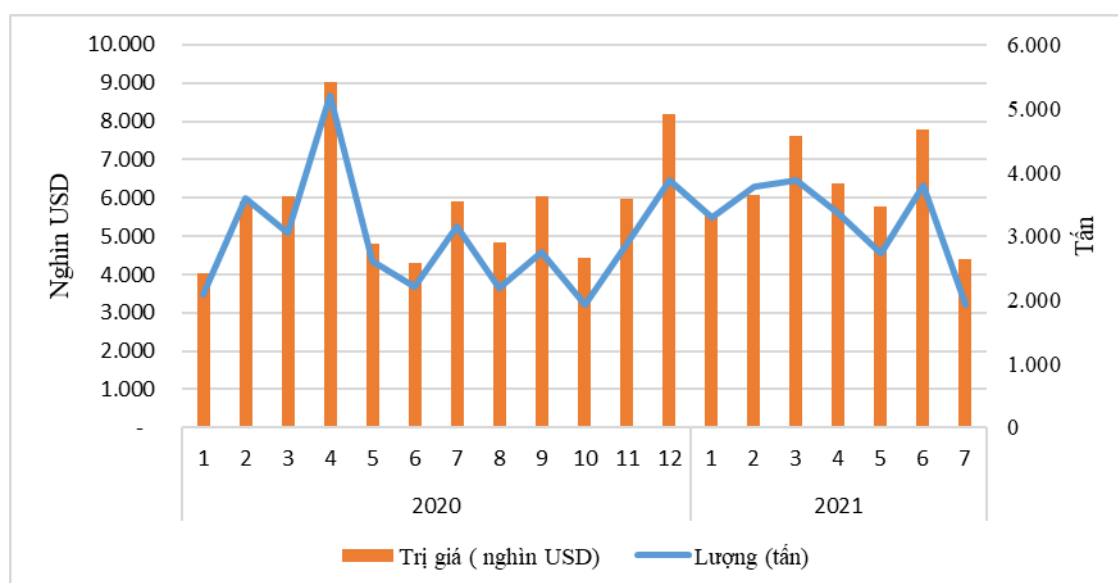
3. CÀ PHÊ

Công ty nghiên cứu thị trường Nielsen Koreanclick ngày 24/8 cho biết, thị trường đồ uống cà phê pha sẵn của Hàn Quốc đã tăng trưởng gần 6% trong 6 tháng đầu năm nay trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Quy mô thị trường cà phê pha sẵn tại Hàn Quốc đạt 672,9 tỷ won (tương đương 574 triệu USD) trong giai đoạn từ tháng 1-6/2021, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Cà phê đóng hộp chiếm tỷ trọng lớn nhất với 258,6 tỷ won, tiếp theo là cà phê đóng chai với 137,5 tỷ won. Doanh số bán cà phê đóng hộp tăng 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái với doanh số cà phê đóng chai tăng 18,6% do ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng. Doanh số bán đồ uống cà phê tăng trưởng vững chắc trong 6 tháng đầu năm 2021 do nhiều người tiêu dùng đến mua ở các cửa hàng tiện lợi thay vì đến các cửa hàng cà phê. Dongsuh Foods Corp. là công ty dẫn đầu lĩnh vực này chiếm 25,7% thị phần, theo sau là Lotte Chilsung Beverage Co. với 25,3% thị phần, Maeil Daries Co. đứng thứ ba với 15,9% thị phần.

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm hơn 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 7/2021 đạt 1.917 tấn, trị giá 4,4 triệu USD, giảm 49,38% về lượng và giảm 43,31% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 7/2020, xuất khẩu cà phê giảm 39,07% về lượng và giảm 25,26% về giá trị.

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021 đạt 22.737 tấn, trị giá 43,615 triệu USD, giảm 3,6% về lượng và giảm 8,23% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

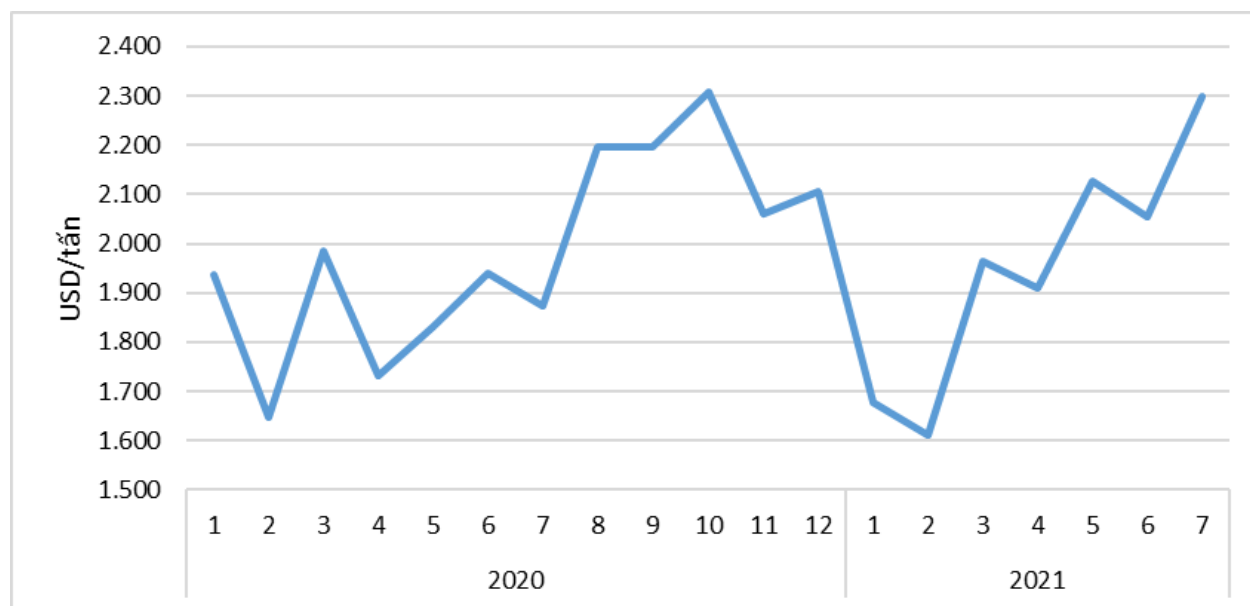
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc là 2.299 USD/tấn, tăng 12% so với tháng trước và tăng 22,65 % so với cùng kỳ năm 2020.

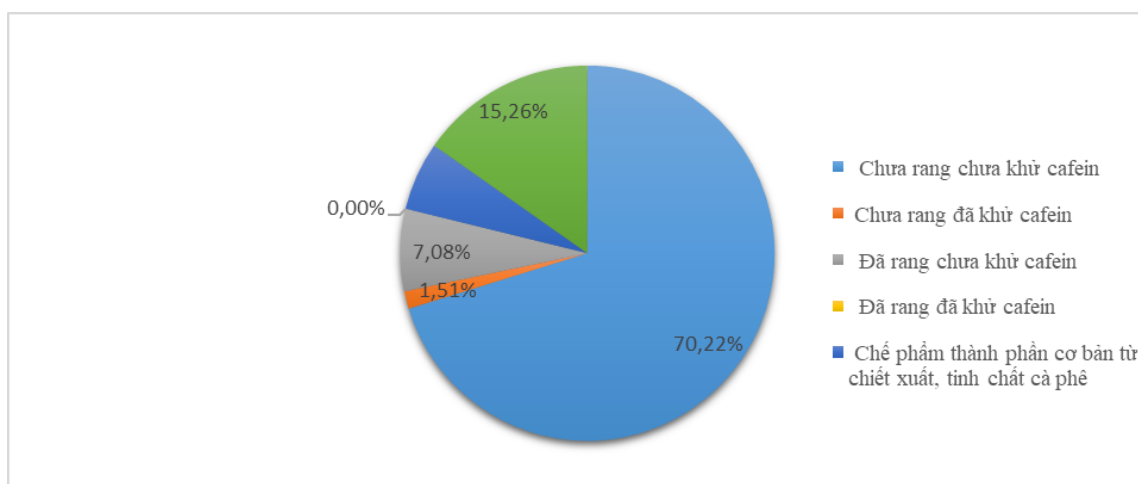
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 7/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 78,82%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 21,18% (cùng kỳ năm 2020 tỷ lệ này lần lượt là 84,56% và 15,44%). Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 7/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 3,09 triệu USD, chiếm tỷ trọng 70,22%, giảm 32,19% so cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 673 nghìn USD, chiếm 15,26%, giảm 11,24% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 312 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 7,08%, tăng 19,07% so với cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 261 nghìn USD, chiếm 5,92%, tăng 71,25% so với cùng kỳ.

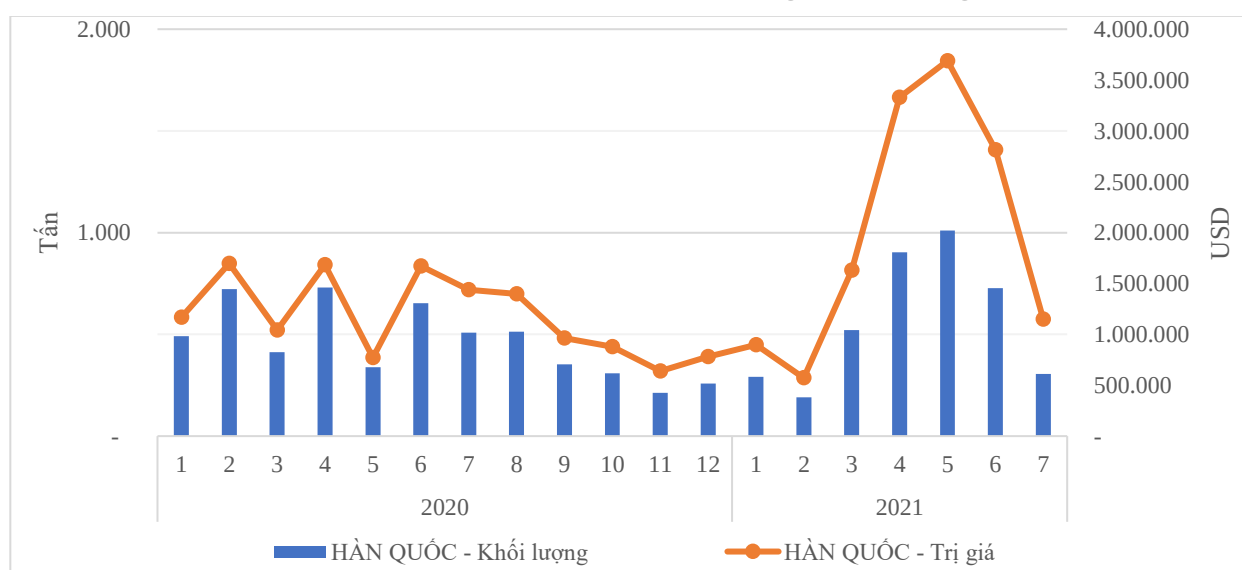
Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là: Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu 2-9 Đắc Lắc, Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn Công ty TNHH Vĩnh Hiệp với thị phần lần lượt là: 39,06%; 16,78% và 16,45%.

4. HỒ TIÊU

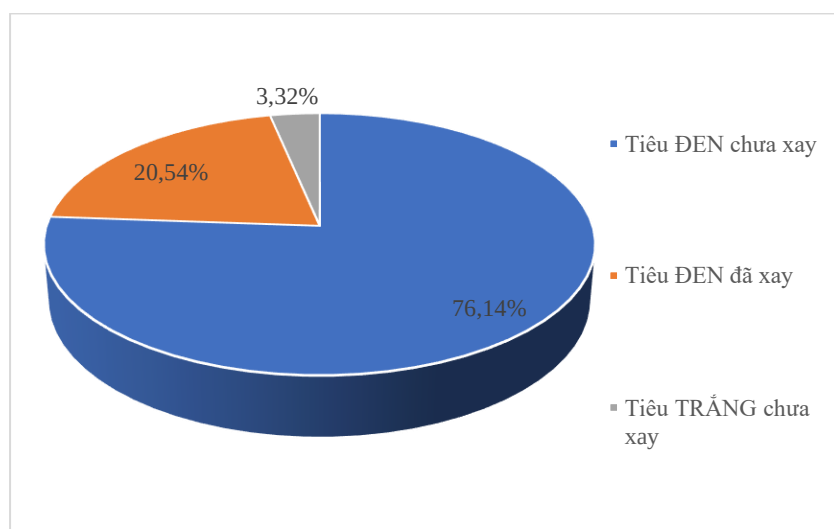
Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 305 tấn hồ tiêu với trị giá gần 1,15 triệu USD, giảm 58,05% về khối lượng và giảm 59,1% về giá trị so với tháng 6/2021 và giảm 39,96% về khối lượng và giảm 19,98% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 7/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 76,14% tổng giá trị xuất khẩu, giảm chỉ 0,45% so với tháng trước và tăng 13,46% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu đen đã xay với 20,54%, tăng 6,19% so với tháng trước và tăng 3,95% so với cùng kỳ năm 2020. Sản phẩm tiêu trắng đã xay không ghi nhận số liệu xuất khẩu sang Hàn Quốc trong tháng này.

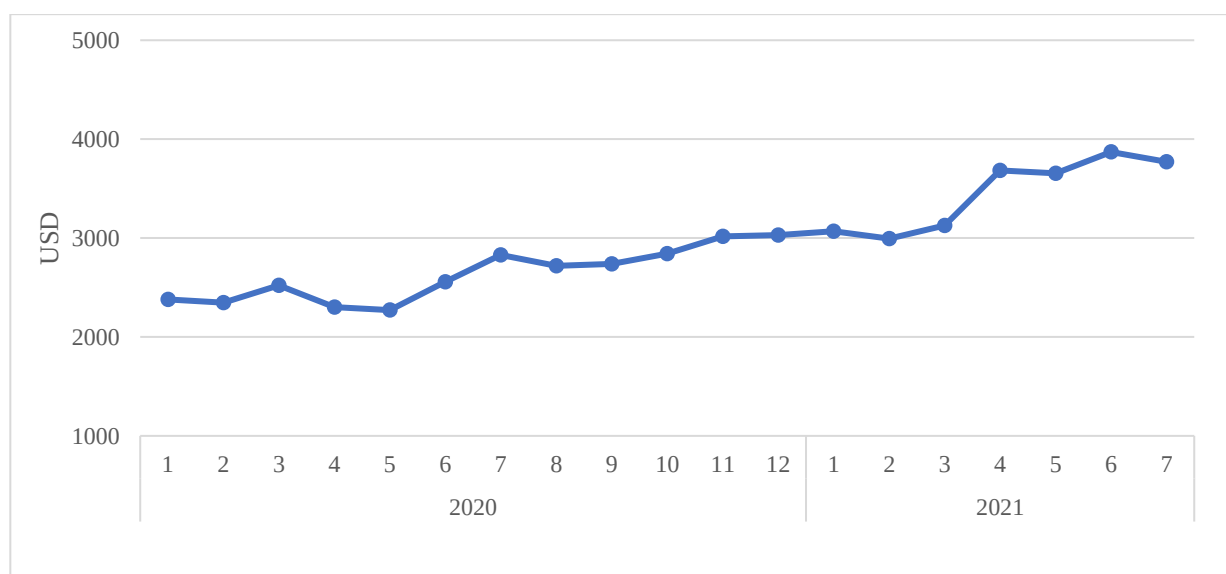
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 7/2021 ở mức 3,773 usd/tấn, giảm nhẹ 2,5% so với tháng 6/2021 và tăng 33,3% so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu của hồ tiêu Việt Nam sang Hàn Quốc vẫn giao động nhẹ quanh mức 3.750-3.850 kể từ tháng 4 tới nay xong mức giá ở tháng 7/2021 tuy có giảm nhưng vẫn ở mức rất cao so với giá hồ tiêu giai đoạn từ tháng 3/2021 trở về các năm trước. Tuy nhiên, giá hồ tiêu xuất khẩu sang Hàn Quốc vẫn còn thấp so với nhiều thị trường xuất khẩu khác của hồ tiêu Việt Nam, đặc biệt là EU (cao hơn 12%).

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)



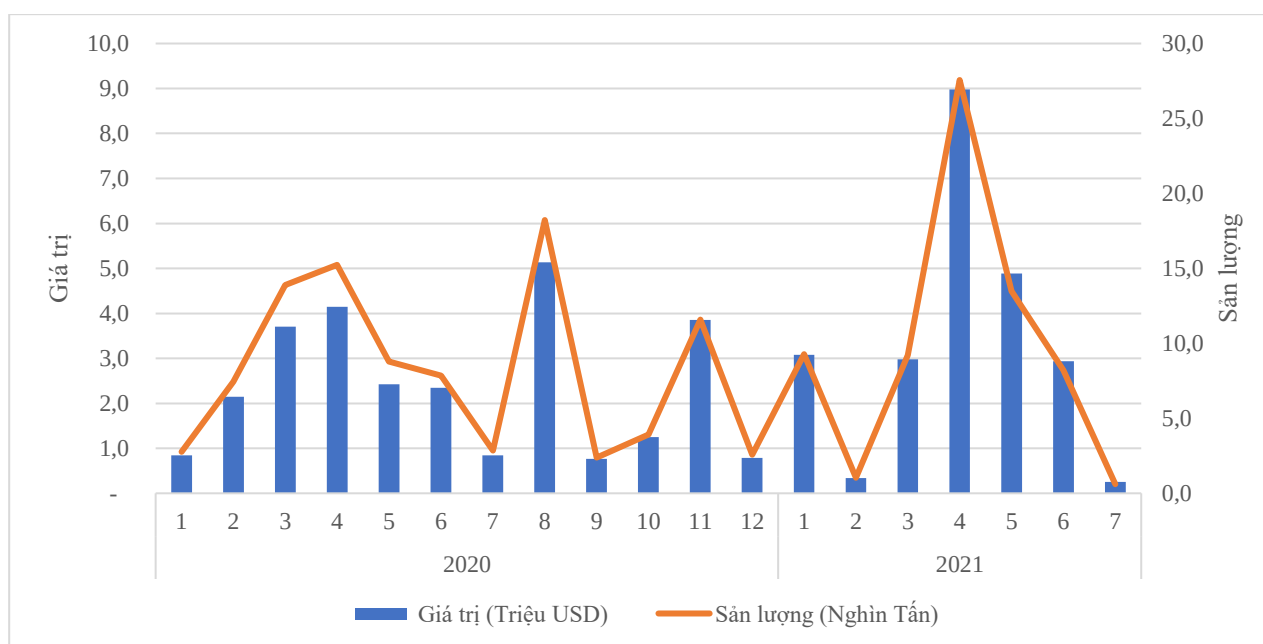
Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 7/2021, nắm giữ vị trí số 1 trong Top 3 công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP XNK Petrolimex, chiếm 34,32% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này, tăng 12,4% so với tháng 6/2021 (đứng vốn ở vị trí thứ 2 trong tháng 6/2021). Đứng thứ hai là Công ty TNHH Ottogi Việt Nam, chiếm 17,93%, giảm 87,5% so với tháng trước và giảm 65,4% so với cùng kỳ năm trước. Giữ vị trí thứ 3 là một Công ty Cổ phần Gia vị Hà Nội, chiếm 14,96%.

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 610 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 250,3 nghìn USD sang thị trường Hàn Quốc, giảm 92,6% về khối lượng và giảm 91,5% về giá trị so với tháng 6/2021; giảm 78,6% về khối lượng và giảm 70,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021 đạt 66,5 nghìn tấn, trị giá 22,3 triệu USD, tăng 11,9% về khối lượng và tăng 34,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

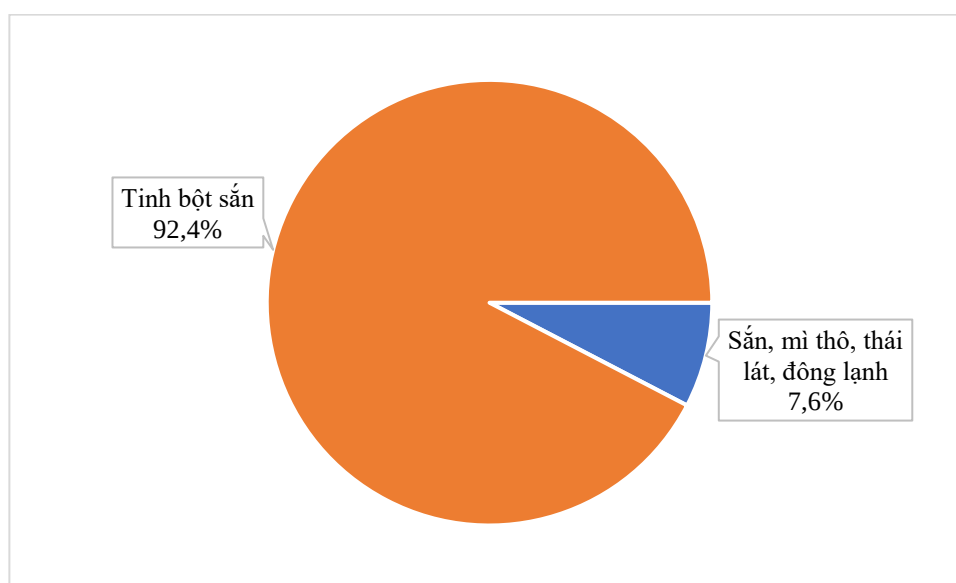
Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 0,4% về khối lượng và 0,3% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 7 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 243,1 nghìn USD, chiếm 92,4% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, tăng 274,7% so với cùng kỳ năm 2020; sắn lát, đông lạnh đạt 20,1 nghìn USD (chiếm 7,6%), giảm 97,4%.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, chỉ có hai công ty xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Chế biến XNK Xuân Hồng và Công ty Cổ phần

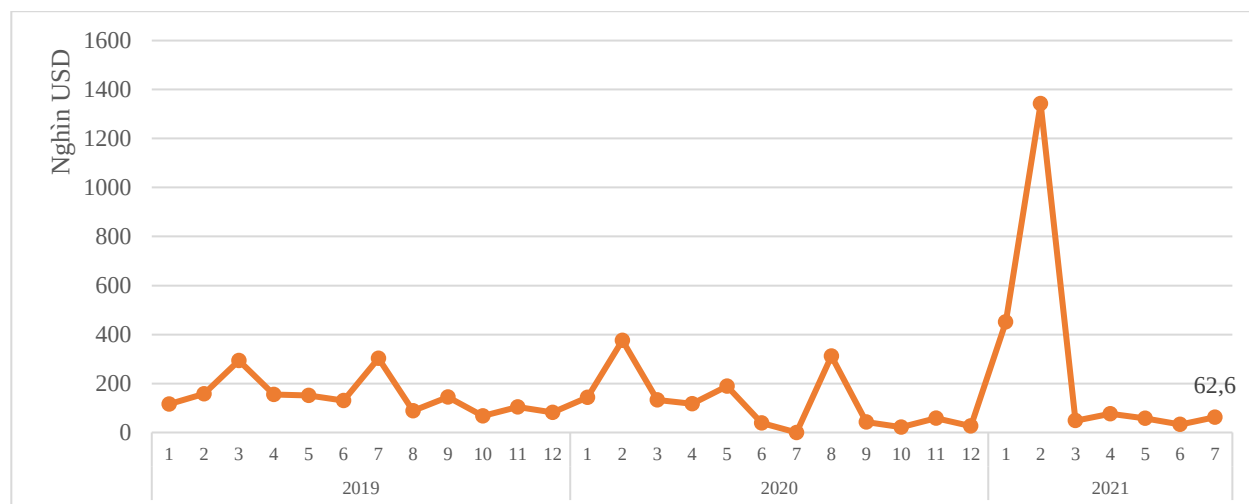
Đầu tư Sáng tạo Á Châu với tỉ trọng xuất khẩu lần lượt là 65,8% và 34,2%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, giá trị xuất khẩu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sáng tạo Á Châu giảm 88,9%. Trong khi Công ty TNHH Chế biến XNK Xuân Hồng không xuất khẩu trong tháng 7/2020, nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu trong tháng 7/2021.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc (MAFRA) cho biết, nước này dự kiến sẽ duy trì ổn định các sản phẩm thịt lợn dù mới bùng phát dịch tả lợn châu Phi (ASF) tại một trang trại chăn nuôi ở tỉnh Gangwon. Tuy nhiên, MAFRA nhấn mạnh vẫn cần cẩn trọng trước sự lây lan của đợt dịch ASF mới. Theo số liệu của MAFRA, tổng đàn lợn tại các trang trại ở Hàn Quốc tính đến hết tháng 6/2021 ước đạt 11,1 triệu con, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước.

MAFRA ngày 8/8 thông báo một đàn lợn tại trang trại chăn nuôi ở tỉnh Gangwon của nước này đã mắc dịch ASF, khiến giới chức trách quyết định tiêu hủy khoảng 2.400 con lợn tại trang trại như một biện pháp phòng ngừa. Đây là lần đầu tiên Hàn Quốc ghi nhận căn bệnh có khả năng lây lan cao và khiến gia súc chết tại nước này trong ba tháng qua..

Trong tháng 7/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 62,6 nghìn USD, tăng 90% so với tháng trước. Tính tổng 7 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 2,069 triệu USD, tăng 107% so với cùng kỳ năm 2020. Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu trong tháng này gồm thịt ếch và thịt chế biến. Trong đó, chỉ có 2 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 7 là Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn; Công ty Cổ phần Lương thực Bình Minh.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 7/2021, Việt Nam đã nhập khẩu 2,29 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, giảm 3% so với tháng trước, đưa tổng giá trị nhập khẩu 7 tháng đầu năm đạt 22,4 triệu USD, giảm 31,9% so với cùng kỳ năm 2020 (36,9 triệu USD). Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến.

7. THỦY SẢN

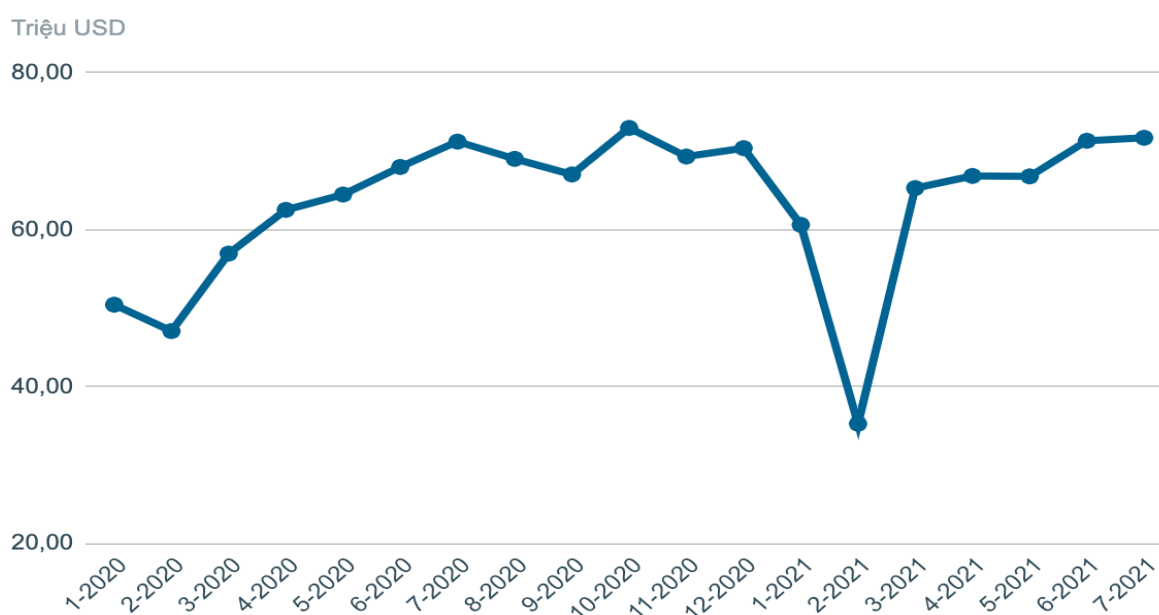
Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc, 7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc đạt 821,1 nghìn tấn, trị giá 3,139 tỷ USD, tăng 8,8% về lượng, nhưng giảm 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc đạt 821,1 nghìn tấn, trị giá 3,139 tỷ USD, tăng 8,8% về lượng và giảm 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Nhìn chung, mức độ phục hồi nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc vẫn chưa ổn định bởi dịch Covid-19 tại nước này vẫn có diễn biến phức tạp.

Tháng 7/2021, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ thị trường Trung Quốc, Việt Nam, Na-uy và Nhật Bản giảm so với cùng kỳ năm 2020; trong khi nhập khẩu từ các thị trường Nga, Thái Lan và Đài Loan tăng mạnh. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ hầu hết các thị trường lớn tăng, trừ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hoa Kỳ giảm

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 6/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 71,71 triệu USD, tăng 0,70% so với cùng kỳ năm 2020, và tăng 2,80% so với tháng trước. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm

thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 7/2021 chiếm 49,7% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 28,70%.

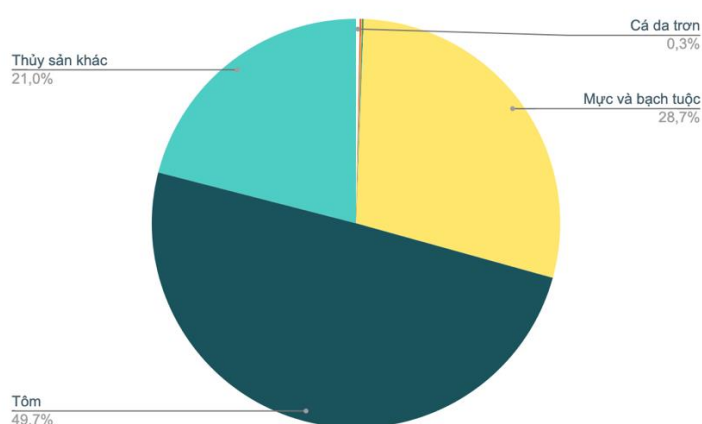
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bên cạnh Hoa Kỳ, Hàn Quốc là thị trường vẫn giữ được mức tăng trưởng dương trong tháng này, nhưng giá trị xuất khẩu không tăng cao, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 7 tháng đầu năm đạt 437,83 triệu USD, tăng 4,08% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2021



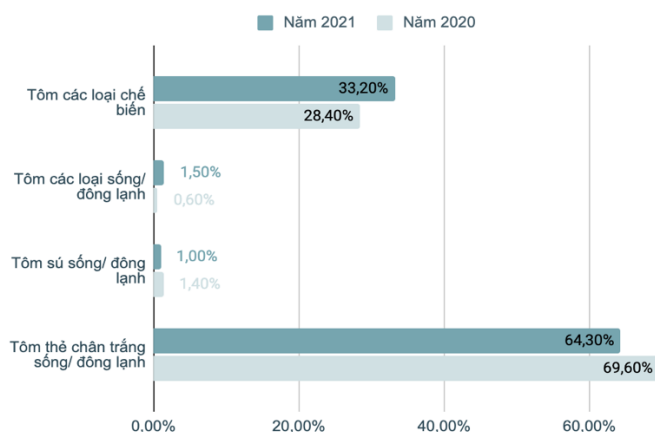
So với tháng 7/2020

- Mực và bạch tuộc đạt 20,59 (tr.USD) ▲ 0,1%
- Thủy sản khác đạt 15,06 tr.USD, ▲ 12,2%
- Cá da trơn đạt 0,2 (tr.USD) ▲ 89,6%
- Tôm đạt 35,64 (tr.USD) ▼ 2,1%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm trong tháng 7/2021 đang có xu hướng giảm nhẹ do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid 19 mang lại. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 64,30%, tôm chế biến đứng thứ 2 chiếm 33,20% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2021



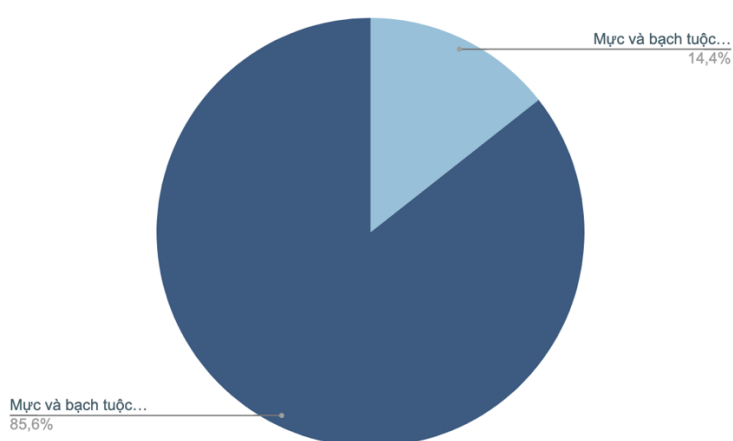
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

So với tháng 7/2020

- Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 22,91 (tr.USD), ▼ 9,6%
- Tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,35 (tr.USD), ▼ 30,8%
- Tôm chế biến các loại đạt 11,83 (tr.USD), ▲ 14,60%
- Tôm các loại khác đạt 0,55 (tr.USD), ▲ 143,4%

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 7 năm 2021 đạt 20,59 triệu USD, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm 2020. Xuất khẩu mực và bạch tuộc sang thị trường này vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng dương trong những tháng gần đây nhưng đang có xu hướng giảm nhẹ (giảm 3,5% so với tháng trước).

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 7/2021



So với tháng 7/2020

- ✚ Mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 187,62(tr.USD), ▼ 2,90%
- ✚ Mực và bạch tuộc chế biến đạt 2,97 (tr.USD), ▲ 22,40 %

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 7/2021, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với tháng 7/2020. Cụ thể: Giá xuất khẩu

tôm trung bình đạt 8,41 USD/kg, tăng 5,6%; Mực và bạch tuộc đạt 8,99 USD/kg, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,39	-1,40%	-5,50%
2	Cua, ghẹ	2,82	4,50%	6,50%
3	Mực và bạch tuộc	4,55	-5,70%	-23,00%
4	Tôm	8,99	12,70%	-9,30%
5	Cua, ghẹ	2,82	4,50%	6,50%

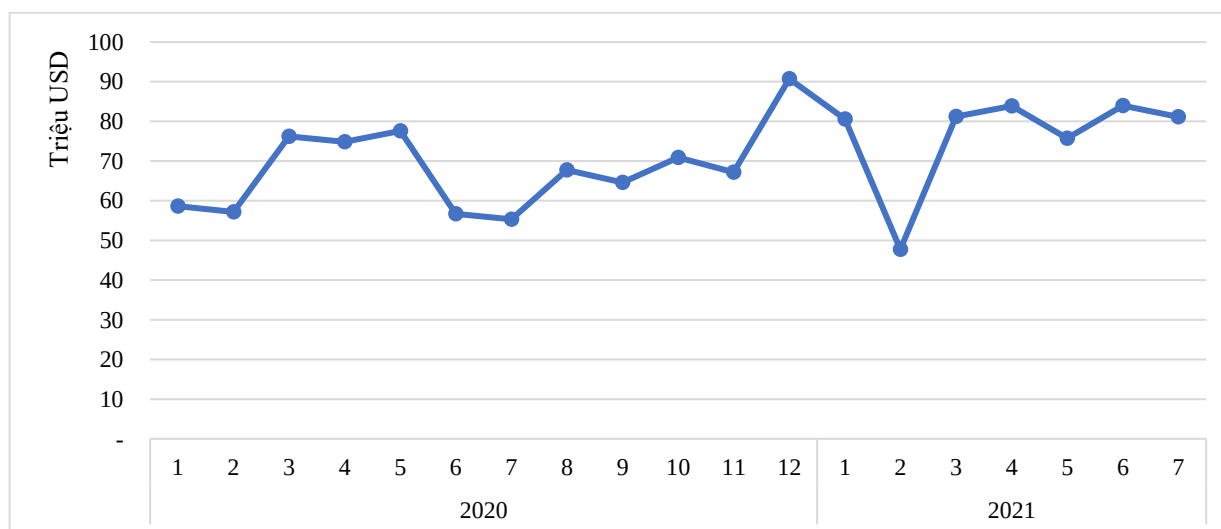
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty cổ phần chén biển và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 5% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHHMTV chế biến thủy sản và XNK Ngọc Trinh Bạc Liêu chiếm 4,8 %; Công ty cổ phần tôm miền nam chiếm 4,6%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 81,1 triệu USD, giảm 3,4% so với tháng trước nhưng tăng 46,7% so với cùng kỳ năm 2020.

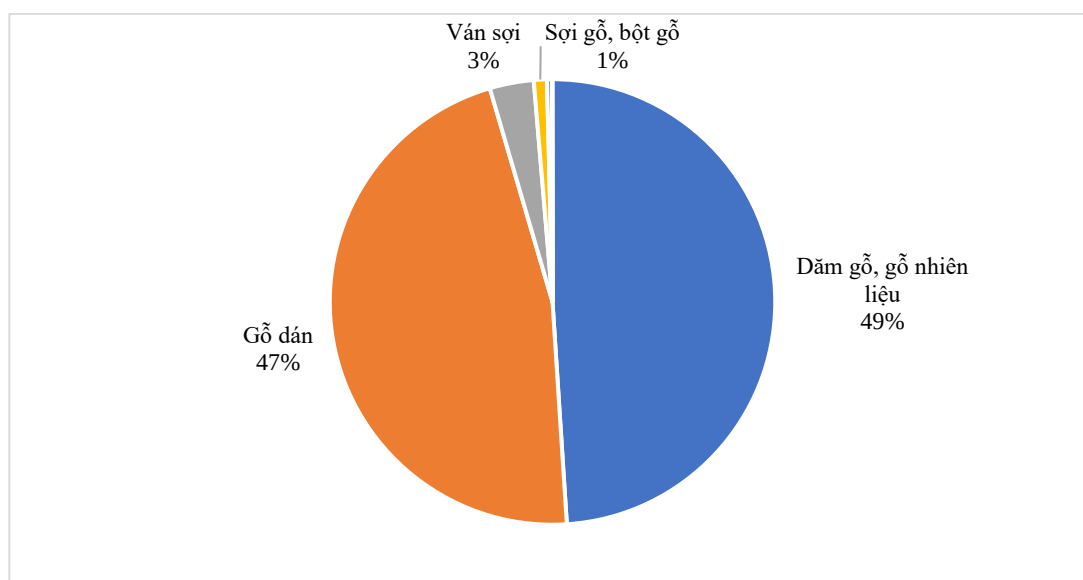
Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 26,8 triệu USD, chiếm 49,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 25,5 triệu USD, chiếm 46,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 3,2% và 1,0% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 20: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 7/2021



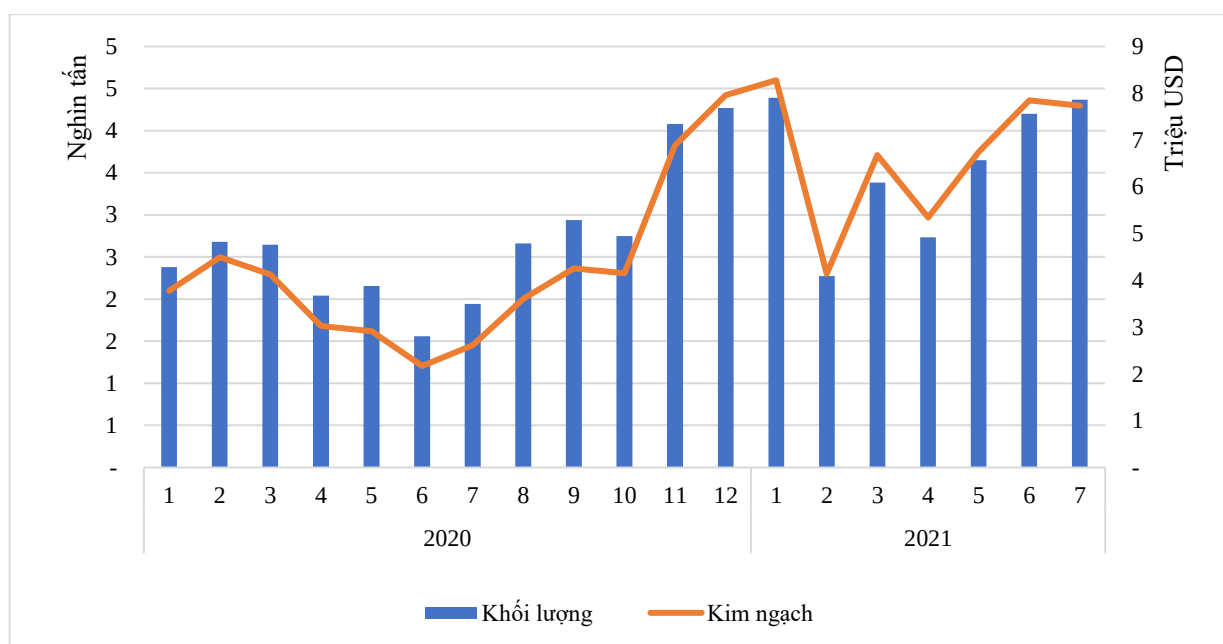
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi, Công ty CP Eastwood Energy và Công ty TNHH Hoàng Đại Vương. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 11,1%, 5,7% và 5,4% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hàn Quốc.

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 4,4 nghìn tấn với trị giá 7,7 triệu USD, tăng 4,0% về khối lượng nhưng giảm 1,5% về giá trị so với tháng trước, và tăng 124,8% về khối lượng và 195,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

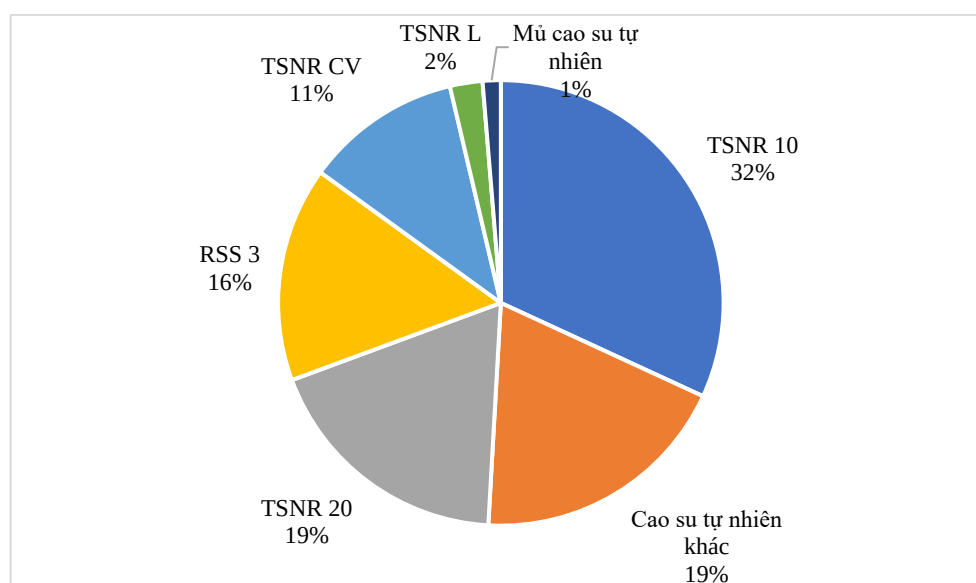
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 2,4 triệu USD, chiếm 31,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR 20 với kim ngạch 1,4 triệu USD, chiếm 18,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR CV chiếm lần lượt 15,6% và 11,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

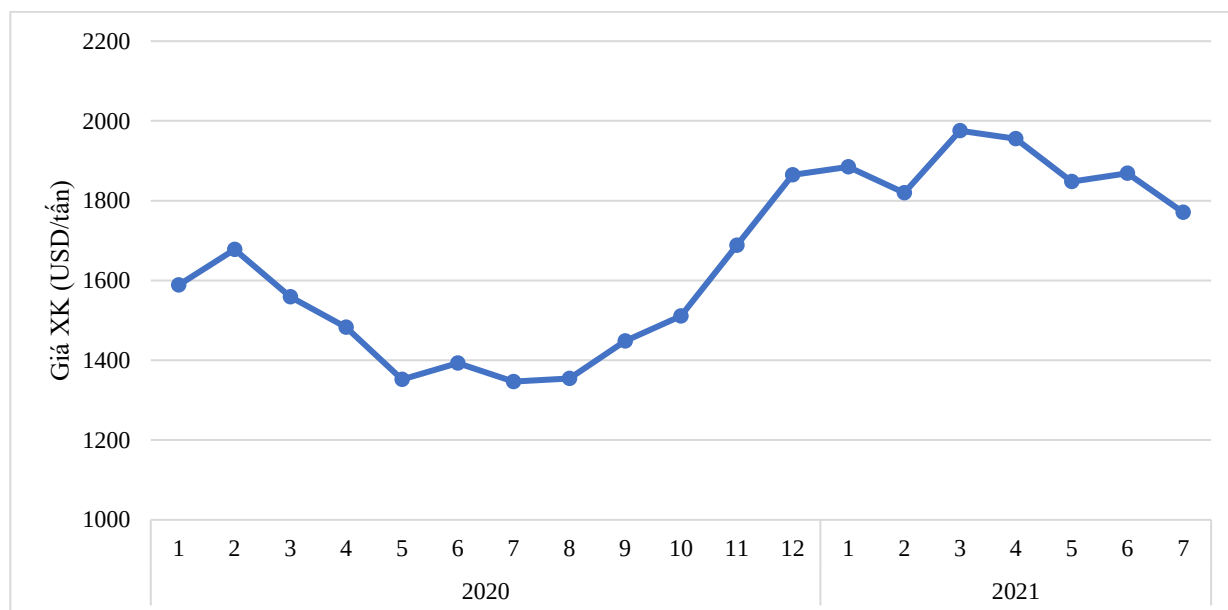
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.770 USD/tấn trong tháng 7/2021, giảm 5,2% so với tháng trước, nhưng tăng 31,5% so với cùng kỳ 2020.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP XNK Tổng hợp Bình Phước, Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh và Công ty CP Cao su Việt Phú Thịnh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 19,9%, 13,9% và 11,5% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu cà phê tiềm năng của Việt Nam bởi mức tiêu thụ cà phê của quốc gia này chiếm khoảng 6% tổng thị trường cà phê Châu Á - Thái Bình Dương. Theo Viện Kinh tế Hàn Quốc, mức tiêu thụ cà phê bình quân tính trên đầu người của Hàn Quốc đạt 2,3kg/người/năm. Theo dự đoán mới nhất của USDA ra vào tháng 6/2021, nhập khẩu cà phê các loại của Hàn Quốc niên vụ 2021/2022 sẽ là 3.350 nghìn bao, đứng thứ 9 toàn cầu, không đổi so với niên vụ trước, trong đó nhập khẩu cà phê nhân ở mức 2,7 triệu bao, nhập khẩu cà phê rang xay là 350 nghìn tấn, tiêu thụ nội địa là 3,05 triệu bao. Doanh số bán cà phê pha sẵn đang có xu hướng tăng do nhiều người tiêu dùng đến mua ở các cửa hàng tiện lợi thay vì đến các cửa hàng cà phê, trong đó cà phê đóng hộp chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp theo là cà phê đóng chai.

2. Hồ tiêu

Sau giai đoạn tăng trưởng rất mạnh kể từ tháng 2/2021 đến tháng 5/2021, hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc đã sụt giảm đáng kể về cả khối lượng và giá trị, chỉ có giá xuất khẩu là giao động nhẹ. Tình hình dịch bệnh vẫn chưa kiểm soát được cùng với cước biển vẫn tăng cao, vỏ container vẫn mất cân bằng giữa các cảng biển lớn sẽ tiếp tục ảnh hưởng lớn đến các chuỗi giá trị xuất khẩu trong đó có hồ tiêu. Do đó, dự báo trong 1-2 tháng tới, số liệu xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này vẫn sẽ tiếp tục giảm, chờ đợi tín hiệu hồi phục của nền kinh tế khi các vấn đề nóng bỏng nói trên được giải quyết tại cả 2 quốc gia.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 7/2021

STT	Sản phẩm	T7/2021 (USD)	Tăng/giảm so với T7/2020	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	4.407.642	-25,26%	2,29%
2	Cao su	7.733.528	195,56%	4,02%
3	Gỗ và SP gỗ	81.128.189	46,70%	42,18%
4	Hàng rau quả	14.141.641	15,28%	7,35%
5	Hàng thủy sản	71.714.475	0,69%	37,29%
6	Hạt tiêu	1.150.632	-19,98%	0,60%
7	Phân bón các loại	144.370	323,37%	0,08%
8	Mây tre đan	2.300.246	48,37%	1,20%
9	SP từ cao su	7.912.137	48,68%	4,11%
10	Sắn và SP từ sắn	250.290	-70,41%	0,13%
11	TAGS & NL	1.440.856	2,64%	0,75%
Tổng XK NLTS		192.324.006		100,00%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 7/2021**

TT	Loại sản phẩm	Tháng 7/2020		Tháng 7/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	47	26.005	77	40.652	63,8%	56,3%
2.	Gạo trắng	4.524	1.576.140	34	17.680	-99,2%	-98,9%
3.	Các loại gạo khác	23	15.073	0	0	-100,0%	-100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 7/2021

Mặt hàng	T7/2020	T7/2021	So sánh 2020/2021
Chưa rang chưa khử cafein	4.585	3.095	-32,49%
Chưa rang đã khử cafein	138	67	-51,79%
Đã rang chưa khử cafein	262	312	19,07%
Đã rang đã khử cafein	2	-	-100,00%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	152	261	71,25%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	758	673	-11,24%
Tổng	5.897	4.408	-25,26%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 7/2021**

TT	Sản phẩm	Tháng 7/2020	Tháng 7/2021	So sánh 2021/2020
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	12.266.826	14.141.641	15,3%
1	Hạt mè	4.334.674	3.584.667	-17,3%
2	Ớt	1.115.067	1.836.132	64,7%
3	Xoài	1.229.880	1.616.920	31,5%
4	Thanh long	360.681	616.781	71,0%
5	Sầu riêng	39.546	485.791	1128,4%
6	Chuối	402.967	472.454	17,2%
7	Khác	4.784.011	5.528.897	15,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 7/2021

TT	Sản phẩm	T7/2020 (USD)	T7/2021 (USD)	So sánh 2021/2020
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	780.893	20.086	-97,4%
2	Tinh bột sắn	64.880	243.099	274,7%
	Tổng giá trị XK	845.773	263.185	-68,9%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 7/2021 (USD)	Tháng 7/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	200.386,65	223.571,70	-10,40%
Cá ngừ	61.600,00	314.464,00	-80,40%
Cá rô phi	93.746,86	176.763,92	-47,00%
Cua, ghẹ	68.227,00	103.514,80	-34,10%
Mực và bạch tuộc	20.593.708,25	20.579.559,62	0,10%
Tôm	35.639.582,00	36.399.772,59	-2,10%
Thủy sản khác	15.057.224,65	13.424.886,36	12,20%
Tổng	71.714.475,40	71.222.533,00	0,70%

Nguồn: Tổng cục Hải quan